

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

SỐ: 11/TDT/ARECA

Gói thầu

TƯ VẤN THẨM TRA THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

Dự án

KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÍA TÂY DĨNH TRÌ

Địa chỉ

XÃ DĨNH TRÌ, THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ ARECA VIỆT NAM

và

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TỈNH BẮC GIANG**

Năm 2022

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn bên B;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn thẩm tra;

Căn cứ Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Ban hành quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án Khu đô thị mới phía Tây Đình Trì, thành phố Bắc Giang.

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng tư vấn công trình: “Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công” Dự án Khu đô thị mới phía Tây Đình Trì thành phố Bắc Giang.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 08 tháng 08 năm 2022 tại Công ty Cổ phần đầu tư và dịch vụ Areca Việt Nam, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A): Công ty Cổ phần đầu tư và dịch vụ Areca Việt Nam

- Đại diện : Ông **Nguyễn Vũ Thiện** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**

- Địa chỉ : Khu đô thị mới Bách Việt Lake Garden, Phường Dĩnh Kế, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

- Tài khoản : 2400819333 tại ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sơn Tây – PGD Hòa Lạc.

- Mã số thuế : 2 4 0 0 8 1 9 3 3 3

2. Nhà thầu tư vấn (gọi tắt là bên B): Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện : Ông **Đỗ Ngọc Thành** Chức vụ : **Giám đốc**

- Địa chỉ : Tầng 2, trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp, đường Quách Nhân, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại : 02043 554 708

- Tài khoản giao dịch: 114.000.023.365 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.

- Mã số thuế : 2400 299571.

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Bên A là: Công ty Cổ phần đầu tư và dịch vụ Areca Việt Nam.
2. Bên B là: Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang.
3. Dự án là: Khu đô thị mới phía Tây Dĩnh Trì
4. Địa chỉ: Xã Dĩnh Trì, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.
5. Gói thầu là: Tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công.
6. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn thẩm tra theo quy định tại Điều 2.
7. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
8. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

9. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn thẩm tra và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm Hợp đồng tư vấn thẩm tra và các tài liệu tại Khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn thẩm tra. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Điều kiện cụ thể của Hợp đồng;
- b) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng
- c) Các phụ lục của Hợp đồng (nếu có);
- d) Các chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định;
- e) Các tài liệu khác có liên quan.

2.3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Hợp đồng tư vấn thẩm tra

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cho Dự án Khu đô thị mới phía Tây Dĩnh Trì tại xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Lập báo cáo kết quả thẩm tra có nội dung thẩm tra theo các quy định tại Điều 83 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 cụ thể như sau:

- Sự phù hợp của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế cơ sở, so với nhiệm vụ thiết kế.

+ Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình.

+ Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng và các văn bản có liên quan theo quy định hiện hành.

+ Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công công trình.

- Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Bên A yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình hoặc chỉnh sửa, hoàn thiện kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình theo ý kiến thẩm định.

- Các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn thẩm tra

6.1. Yêu cầu về chất lượng:

Chất lượng sản phẩm tư vấn thẩm tra phải phù hợp với nội dung Hợp đồng tư vấn thẩm tra đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho thiết kế bản vẽ thi công. Những sai sót trong sản phẩm của Hợp đồng tư vấn thẩm tra phải được Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Pháp Luật.

6.2. Yêu cầu về số lượng:

Bên B sẽ bàn giao cho Bên A gồm:

+ Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công công trình: 04 bộ gốc.

+ Đóng dấu hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình 01 bộ gốc; 04 bộ phô tô.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn thẩm tra

7.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của Hợp đồng tư vấn thẩm tra:

a) Hợp đồng tư vấn thẩm tra đã ký kết giữa các bên;

b) Hồ sơ sản phẩm tư vấn quy định tại khoản 6.2 Điều 6;

c) Biên bản giao nhận tài liệu;

đ) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho Hợp đồng tư vấn thẩm tra;

e) Thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công của Sở Xây dựng Bắc Giang.

7.2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 1 lần. Hồ sơ nghiệm thu bao gồm:

- Biên bản bàn giao tài liệu;
- Hồ sơ sản phẩm tư vấn quy định tại khoản 6.2 Điều 6;
- Biên bản nghiệm thu;

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn thẩm tra

Thời gian thực hiện Hợp đồng: **30 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và Bên A bàn giao đầy đủ hồ sơ, văn bản theo quy định.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, trường hợp Bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự kiến kéo dài. Sau khi nhận được thông báo thời gian kéo dài của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu và xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ là do lỗi của Bên B.

Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Giá Hợp đồng|:

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT 8%: **136.490.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi nghìn đồng./.*)

9.2. Nội dung của giá Hợp đồng đã bao gồm:

- Chi phí nhân công cho chuyên gia, chi phí vật tư, vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng;
- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh hồ sơ sau các cuộc họp, báo cáo.
- Chi phí đi thực địa, chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu các giai đoạn tại hiện trường và nghiệm thu bàn giao;
- Chi phí mua tài liệu tham khảo phục vụ cho công việc tư vấn, ...

9.3. Tạm ứng và thanh toán:

9.3.1 Tạm ứng: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng. Hồ sơ tạm ứng bao gồm

- Giấy đề nghị tạm ứng.
- Hoá đơn VAT hợp lệ.

9.3.2 Thanh toán lần 1: Sau khi bên B hoàn thành công tác thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công phần hạ tầng kỹ thuật, bên A thanh toán đến 60% giá trị hợp đồng cho bên B. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Đề nghị thanh toán của Bên B.
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.
- Hóa đơn VAT hợp lệ.

9.3.3 Quyết toán: Sau khi bên B hoàn thành công tác thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công phần nhà liền kề (39 lô) và bên A được cấp phép xây dựng công trình, bên A thanh toán đến 100% giá trị quyết toán cho bên B. Hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Đề nghị thanh toán của Bên B.
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.
- Biên bản thanh lý Hợp đồng.
- Hóa đơn VAT hợp lệ.

9.4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

9.5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của bên B

10.1. Quyền của bên B:

- a) Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn.
- b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của bên A hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của bên A.
- d) Được quyền yêu cầu bên A thanh toán đúng hạn.

10.2. Nghĩa vụ của bên B:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Bảo quản và giao lại cho bên A những tài liệu do bên A cung cấp theo Hợp đồng sau khi hoàn thành công việc.
- c) Thông báo ngay bằng văn bản cho bên A về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà Hợp đồng và pháp luật có quy định.

đ) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng:

- Bên B phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá Hợp đồng hoặc trách nhiệm của Bên B theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Bên B trong việc thực hiện công việc tư vấn thẩm tra được quy định trong Hợp đồng.

- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của bên B để hoàn thành công việc tư vấn thẩm tra theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng thì Bên B phải chịu trách nhiệm.

e) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn thẩm tra có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn thẩm tra trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do bên A tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn thẩm tra phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Bên B phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được bên A phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn thẩm tra.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của bên A cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn thẩm tra đối với tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công; ngày hoàn thành và bàn giao sản phẩm tư vấn thẩm tra.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của Hợp đồng tư vấn thẩm tra đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công việc và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của bên A.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng tư vấn thẩm tra đã ký kết.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của bên A

11.1. Quyền của bên A:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn thẩm tra theo Hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn thẩm tra không đạt chất lượng theo Hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của bên B nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của bên B.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận Hợp đồng.
- đ) Yêu cầu Bên B thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

11.2. Nghĩa vụ của bên A:

- a) Cung cấp cho bên B thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán.
- b) Giải quyết kiến nghị của bên B theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện Hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.
- c) Thanh toán đầy đủ cho bên B theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong Hợp đồng.
- d) Hướng dẫn bên B về những nội dung liên quan đến dự án; tạo Điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận hồ sơ công trình và thực địa
- đ) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với bên B.
- e) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

Điều 12. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Bên B sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Bên A được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép bên B. Bên B phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do bên B thực hiện và cung cấp cho bên A không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Bên A sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 13. Nhân lực của bên B

13.1. Nhân lực của bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về Điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định.

13.2. Trường hợp thay đổi nhân sự, bên B phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho bên A, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu bên A không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của bên B thì nhân sự đó coi như được bên A chấp thuận.

13.3. Bên A có quyền yêu cầu bên B thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của bên A hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, bên B phải gửi văn bản thông báo cho bên A trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên A về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do bên B chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

13.4. Bên B có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những Điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được bên A chấp thuận.

13.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa bên A và bên B thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở nhân lực của bên B.

13.6. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bảo hiểm

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong Hợp đồng

15.1. Tạm ngừng công việc bởi bên A

Nếu bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của bên B, bên A phải nêu rõ phần lỗi của bên B và yêu cầu bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong

khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời bên B phải bồi thường thiệt hại cho bên A do tạm ngừng công việc.

15.2. Tạm ngừng công việc bởi bên B

a) Nếu bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho bên A, bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, bên B phải thông báo cho bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

15.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt Hợp đồng

16.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi bên A

Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến bên B. Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày mà bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của bên A về sai sót đó.

c) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn thẩm tra], hoặc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của bên A.

đ) Bên B cố ý trình bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của bên A.

e) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có

hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, bên A có thể thuê các bên B khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các bên B này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

16.2. Chấm dứt Hợp đồng bởi bên B

Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên A tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 07 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của bên A.

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà bên B không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 07 ngày.

16.3. Khi chấm dứt Hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

16.4. Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp đồng, bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

16.5. Thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

Điều 17. Thương, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

17.1. Thương Hợp đồng: Không áp dụng.

17.2. Phạt vi phạm Hợp đồng

- Tư vấn thẩm tra chịu phạt và phải bồi thường thiệt hại cho Bên A trong các trường hợp sau:

- Chất lượng công việc không bảo đảm với thỏa thuận trong hợp đồng hoặc kéo dài thời hạn hoàn thành do lỗi của tư vấn thẩm tra gây ra;

- Do nguyên nhân của tư vấn thẩm tra dẫn tới gây thiệt hại cho người và tài sản.

- Do chậm tiến độ đã được ký kết trong Hợp đồng tại Điều 8, mức phạt cho mỗi ngày chậm tiến độ là 1%.

- Mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Ngoài mức phạt theo thỏa thuận, bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho bên kia, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

18.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

18.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

18.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 19. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký Hợp đồng.

Hợp đồng gồm 13 trang được lập thành 07 (bảy) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A sẽ giữ 05 (năm) bản, bên B sẽ giữ 02 (hai) bản./.



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VŨ THIÊN



GIÁM ĐỐC
KTS. ĐỖ NGỌC THÀNH